TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 06-Phòng KT An toàn và BHLĐ

Tháng 12 năm 2018

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương phép		TT phép 2018		PC HĐCĐ	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	BHTT	Phí ở chung cư			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**81**		**33.614.000**	**2**	**1.072.000**			**42**	**10.722.615**	**2.835.000**	**48.243.615**	**1.574.900**	**295.300**	**196.900**		**482.500**	**165.000**	**600.000**		**3.314.600**	**44.929.015**	
1	HL-00117	Đỗ Văn Đại	Trưởng phòng	6.649.000	27	A	13.950.474	2	1.072.000			16	4.091.692	1.215.000	20.329.166	531.900	99.700	66.500		203.300	55.000	200.000		1.156.400	19.172.766	
2	HL-02795	Vũ Quang Hiếu	Phó phòng	6.228.000	27	A	9.831.763					8	1.916.308	810.000	12.558.071	498.200	93.400	62.300		125.600	55.000	200.000		1.034.500	11.523.571	
3	HL-03678	Phạm Khắc Phan	Phó phòng	6.810.000	27	A	9.831.763					18	4.714.615	810.000	15.356.378	544.800	102.200	68.100		153.600	55.000	200.000		1.123.700	14.232.678	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**135**		**35.306.952**	**4**	**1.068.000**			**50**	**10.348.691**	**810.000**	**47.533.643**	**2.193.200**	**411.200**	**274.200**	**-335.545**	**475.400**	**275.000**	**1.000.000**		**4.293.455**	**43.240.188**	
4	HL-03497	Nguyễn Mạnh Hùng	Chuyên viên	5.677.000	27	A	6.933.000					15	3.275.192		10.208.192	454.200	85.200	56.800	-335.545	102.100	55.000	200.000		617.755	9.590.437	
5	HL-00877	Đậu Anh Tú	Chuyên viên	5.149.000	27	A	6.933.000					14	2.772.538		9.705.538	411.900	77.200	51.500		97.100	55.000	200.000		892.700	8.812.838	
6	HL-00978	Chu Quang Nam	Chuyên viên	5.149.000	27	A	7.728.535	4	1.068.000			14	2.772.538	810.000	12.379.073	411.900	77.200	51.500		123.800	55.000	200.000		919.400	11.459.673	
7	HL-03553	Ngô Văn Hòe	Chuyên viên	5.677.000	27	A	6.933.000					7	1.528.423		8.461.423	454.200	85.200	56.800		84.600	55.000	200.000		935.800	7.525.623	
8	HL-00311	Ngô Văn Khánh	Chuyên viên	5.762.000	27	A	6.779.417								6.779.417	461.000	86.400	57.600		67.800	55.000	200.000		927.800	5.851.617	
3	**10**	**Tổ giám sát an toàn**			**320**		**82.554.048**	**40**	**10.680.000**	**3**	**538.846**	**175**	**34.363.344**		**128.136.238**	**4.891.700**	**917.300**	**611.500**		**1.281.600**	**660.000**	**1.000.000**	**276.325**	**9.638.425**	**118.497.813**	
9	HL-01392	Đỗ Văn Hưởng	Giám sát viên AT	5.406.000	27	A	6.933.000					17	3.534.692		10.467.692	432.500	81.100	54.100		104.700	55.000			727.400	9.740.292	
10	HL-03935	Bùi Công Thìn	Giám sát viên AT	5.762.000	27	A	6.779.417	4	1.068.000			18	3.989.077		11.836.494	461.000	86.400	57.600		118.400	55.000	200.000		978.400	10.858.094	
11	HL-02007	Trần Văn Hùng	Giám sát viên AT	5.677.000	27	A	6.779.417	4	1.068.000			9	1.965.115		9.812.532	454.200	85.200	56.800		98.100	55.000	200.000		949.300	8.863.232	
12	HL-02657	Hoàng Văn Hậu	Giám sát viên AT	4.670.000	23	A	5.775.059	4	1.068.000	3	538.846	11	1.975.769		9.357.674	373.600	70.100	46.700		93.600	55.000			639.000	8.718.674	
13	HL-00838	Nguyễn Khắc Phúc	Giám sát viên AT	5.149.000	27	A	6.779.417	4	1.068.000			16	3.168.615		11.016.032	411.900	77.200	51.500		110.200	55.000	200.000		905.800	10.110.232	
14	HL-00792	Nguyễn Xuân Hưng	Giám sát viên AT	4.300.000	27	A	6.933.000					16	2.646.154		9.579.154	344.000	64.500	43.000		95.800	55.000			602.300	8.976.854	
15	HL-04145	Trần Quang Duy	Giám sát viên AT	5.149.000	27	A	6.779.417	4	1.068.000			16	3.168.615		11.016.032	411.900	77.200	51.500		110.200	55.000	200.000		905.800	10.110.232	
16	HL-04144	Phạm Kiên Quyết	Giám sát viên AT	5.149.000	27	A	6.779.417	4	1.068.000			16	3.168.615		11.016.032	411.900	77.200	51.500		110.200	55.000			705.800	10.310.232	
17	HL-04394	Nguyễn Văn Mạnh	Giám sát viên AT	4.904.000	27	A	6.779.417	4	1.068.000			8	1.508.923		9.356.340	392.300	73.600	49.000		93.600	55.000			663.500	8.692.840	
18	HL-04402	Lưu Văn Hiệu	Giám sát viên AT	4.904.000	27	A	7.728.535	4	1.068.000			15	2.829.231		11.625.766	392.300	73.600	49.000		116.300	55.000			686.200	10.939.566	
19	HL-01635	Lê Xuân Trường	Giám sát viên AT	4.670.000	27	A	6.779.417	4	1.068.000			16	2.873.846		10.721.263	373.600	70.100	46.700		107.200	55.000			652.600	10.068.663	
20	HL-02916	Trần Văn Quý	Giám sát viên AT	5.406.000	27	A	7.728.535	4	1.068.000			17	3.534.692		12.331.227	432.500	81.100	54.100		123.300	55.000	200.000	276.325	1.222.325	11.108.902	
Tổng cộng					**536**		**151.475.000**	**46**	**12.820.000**	**3**	**538.846**	**267**	**55.434.650**	**3.645.000**	**223.913.496**	**8.659.800**	**1.623.800**	**1.082.600**	**-335.545**	**2.239.500**	**1.100.000**	**2.600.000**	**276.325**	**17.246.480**	**206.667.016**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 1 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	P.KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**